

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 62

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 7)

Hỏi: Nơi nào có lui sụt?

Đáp: Cõi Dục có lui sụt chứ không phải là cõi nào khác, nẻo người có lui sụt chứ không phải là nẻo nào khác.

Hỏi: Trong nẻo trời cõi Dục tại sao không có lui sụt?

Đáp: Bởi vì vốn không có lui sụt.

Hỏi: Há không phải nẻo trời kia có năm dục tuyệt diệu hơn hẳn so với nẻo người, lẽ nào nói là không có lui sụt?

Đáp: trong các kinh nói trong nẻo trời không phải là có đầy đủ năm nhân duyên lui sụt, cho nên nói là không có lui sụt. Lại nữa, trong sáu cõi trời Dục bắt đầu tiến vào Thánh đạo đạt được Thánh quả thì đều là người căn tánh nhanh nhạy, mà những người căn tánh nhanh nhạy thì đều không lui sụt.

Hỏi: Người căn tánh chậm chạp trong nẻo người, tiến vào Thánh đạo rồi về sau sinh lên cõi trời thì có lui sụt hay không?

Đáp: Người ấy cũng không lui sụt. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì trải qua đời sống Thánh giả thì quyết định không lui sụt, cũng không chuyển căn, cũng không có thể sinh đến cõi Sắc-Vô sắc, bởi vì trú vào Thánh đạo ở trong sự nối tiếp nhau ấy đã trải qua một thời gian dài cho nên rất kiên cố.

Hỏi: Trong ba nẻo ác tại sao không lui sụt?

Đáp: Nẻo ác không có nghĩa lìa nhiễm tiến vào Thánh đạo, đã không có công đức tốt đẹp, thì đối với điều gì mà nói lui sụt?

Hỏi: Cõi sắc-vô sắc đã có công đức tốt đẹp, tại sao không có lui sụt?

Đáp: hai cõi ấy không có đầy đủ nhân duyên lui sụt mà công đức lại kiên cố, cho nên không lui sụt.

Hỏi: Những người nào có thể lui sụt, những người nào không thể lui sụt?

Đáp: Có người tin theo người khác-thuận theo ý muốn người khác mà tiến vào Thánh đạo, có người tự tinh vào mình-thuận theo ý muốn của mình mà tiến vào Thánh đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người không suy nghĩ quán sát được-mất mà tiến vào Thánh đạo, có người hết sức suy nghĩ quán sát được-mất mà tiến vào Thánh đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người thì lực của nhân-lực của gia hạnh-lực của không phóng dật đều không rộng lớn, có người thì ba lực thấy đều rộng lớn; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người lấy Tín làm đầu mà tiến vào Thánh đạo, có người lấy Tuệ làm đầu mà tiến vào Thánh đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người lấy Xa-ma-tha làm đầu mà tiến vào Thánh đạo, có người lấy Tỳ-bát-xá-na làm đầu mà tiến vào Thánh đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người thực hành chỉ hành, có người thực hành Quán hành; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người nhiều yêu thích mong cầu đối với Chỉ, có người nhiều yêu thích mong cầu đối với Quán; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người tăng thượng về Chỉ, có người tăng thượng về Quán; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người lấy chỉ Xông ướp tâm-dựa vào Quán được giải thoát, có người lấy Quán xông ướp tâm-dựa vào Chỉ được giải thoát; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người đạt được Chỉ của nội tâm chứ không đạt được Tuệ tăng thượng về Quán pháp, có người đạt được tuệ tăng thượng về Quán pháp chứ không đạt được Chỉ của nội tâm; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người thích luyện tập về Định chứ không thích Đa văn, có người thích Đa văn chứ không thích luyện tập về Định; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người vui với lợi ích chính mình chứ không thích làm lợi ích cho người, có người thích làm lợi ích chính mình chứ không thích làm lợi ích cho người, có người thích làm lợi ích cho người chứ không vui với lợi ích chính mình; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người là chủng tánh Tùy tín hành, có người là chủng tánh Tùy pháp hành; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người căn tánh chậm chạp, có người căn tánh nhanh nhạy, người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại

nữa, có người nhờ lực của duyên mà nhập đạo, có người nhờ lực của nhân mà nhập đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người nhờ lực của bạn bên ngoài mà nhập đạo, có người nhờ lực của bạn bên trong mà nhập đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người nhờ lực nghe pháp từ người khác mà nhập đạo, có người nhờ lực tư duy đúng đắn bên trong mà nhập đạo; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt. Lại nữa, có người tăng thượng về Vô tham, có người tăng thượng về vô si; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt.

Lại nữa, trong Kinh nói: “Người có bốn pháp có năng lực làm nhiều việc làm:

1. Thân cận với bậc Thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Tác ý như lý.
4. Pháp tùy pháp hành”.

Người tăng thượng hai pháp trước thì có thể lui sụt, người tăng thượng hai pháp sau thì không thể lui sụt. Lại nữa, có người tâm khéo giải thoát mà Tuệ không khéo giải thoát, có người Tuệ khéo giải thoát mà tâm không khéo giải thoát; người trước có thể lui sụt, có người Tuệ khéo giải thoát mà tâm không khéo giải thoát; người trước có thể lui sụt, người sau không thể lui sụt.

Có người đưa ra cách nói này: Có người tâm khéo giải thoát mà Tuệ không khéo giải thoát, có người Tuệ khéo giải thoát mà tâm không khéo giải thoát, cả hai người này có thể lui sụt; có người tâm khéo giải thoát và Tuệ khéo giải thoát, thì người này không thể lui sụt.

Hỏi: Những người đã lui sụt trú trong thời gian trải qua bao lâu?

Đáp: Trú trong thời gian trải qua không lâu, thậm chí chưa giác ngộ thì họ nhanh chóng giác ngộ rồi mà lập tức tu tập thăng tiến. Lại nữa, lúc họ dấy khởi phiền não hiện ở trước mắt thì sinh lòng hổ thẹn hết sức, lập tức mau chóng làm cho đoạn mất, như người sáng mắt giữa ban ngày đi trên đất bằng mà bỗng nhiên tự mình ngã nhào, nhanh chóng đứng dậy quay nhìn bốn phía xem có người khác trông thấy mình ngã nhào hay không? Như vậy, lúc hành giả dấy khởi phiền não sinh lòng hổ thẹn hết sức, mong đừng có chư Phật-hoặc đệ tử của Đức Phật, hoặc người thiện nào khác biết mình lui sụt, vì vậy nhanh chóng làm cho đoạn trừ mà trở lại phần vị ban đầu. lại nữa, lúc họ dấy khởi phiền não hiện rõ trước mắt mà lui sụt thì thân tâm bị nung đốt, cho nên nhanh chóng làm cho trở lại diệt trừ; như loài nhuyễn thể bị lửa tóe ra chạm

vào thân hình thì không thể nào chịu nổi mà nhanh chóng làm cho trừ diệt. Lại nữa, lúc họ dấy khởi phiền não hiện rõ trước mắt mà lui sụt thì chê trách thậm tệ, cho nên nhanh chóng làm cho đoạn trừ; như người thích sạch sẽ mà có chút phân dơ rơi trên thân hình họ, thì họ nhanh chóng tắm rửa mà loại bỏ. Lại nữa, lúc họ dấy khởi phiền não hiện rõ trước mắt mà lui sụt thì thân tâm nặng trĩu, cho nên nhanh chóng phải loại bỏ; như người ốm yếu bỗng nhiên gặp phải gánh nặng mà sức lực không chịu nổi, cho nên nhanh chóng rời bỏ gánh nặng.

Có người đưa ra cách nói này: lui sụt thì không nhất định, bởi vì không tự tại cho nên dấy khởi các phiền não, hoặc là nhanh chóng có thể đoạn trừ mà trở lại phần vị vốn có, hoặc trái qua thời gian lâu dài mới đạt được quả vốn có, nghĩa là dùng lực Văn tuệ-Tư tuệ của cõi Dục để dẫn dắt phát khởi Tu tuệ làm cho Thánh đạo hiện rõ trước mắt, chuyển Tín thắng giải trở thành căn kiến chí, sau đó lại hướng đến quả A-la-hán, cho nên lúc ấy lui sụt rồi thì nhanh-chậm không nhất định.

Hỏi: Nếu lui sụt quả Bất hoàn và quả A-la-hán rồi, thì lúc ấy tiếp tục làm việc hay là không nên làm việc ấy?

Đáp: Không còn có thể làm việc được nữa. Nguyên cơ thể nào? bởi vì lui sụt quả trên thì sự nghiệp đã làm khác nhau so với sự nghiệp của Thánh nhân ở trên mà trước kia chưa đạt được.

A-la-hán có sáu loại:

1. Lui sụt pháp.
2. Tư duy pháp.
3. Bảo vệ pháp.
4. An trú pháp.
5. Có thể thông đạt pháp.
6. Bất động pháp.

Trong này, lui sụt pháp thì nghĩa là lúc ấy thuận theo lui sụt. Tư duy pháp, nghĩa là lúc ấy tư duy rồi cầm dao tự làm hại mình. Bảo vệ pháp, nghĩa là lúc ấy giữ gìn sâu nặng đối với giải thoát. An trú pháp, nghĩa là lúc ấy không lui sụt cũng không tiến lên. Có thể thông đạt pháp, nghĩa là lúc ấy có thể có năng lực thông đạt đến bất động. Bất động pháp, nghĩa là lúc ấy vốn đạt được chủng tánh Bất động, hoặc là do luyện căn mà đạt được bất động.

Hỏi: A-la-hán lui sụt pháp thì nhất định lui sụt chăng? Cho đến A-la-hán có thể thông đạt pháp thì nhất định luyện căn đến Bất động chăng?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: trong A-la-hán thì lui sụt pháp

chắc chắn lui sụt tư duy pháp chắc chắn tư duy rồi cầm dao tự làm hại mình, bảo vệ pháp chắc chắn có năng lực giữ gìn giải thoát, an trú pháp chắc chắn có năng lực không lui sụt cũng không tiến lên, có thể thông đạt pháp chắc chắn có năng lực luyện căn đến bất động. Bởi vì điều này, cho nên A-la-hán ấy gọi là lui sụt pháp, cho đến gọi là có thể thông đạt pháp.

Nếu đưa ra cách nói này thì dựa vào sáu tác dụng mà kiến lập tên gọi của sáu loại A-la-hán, đó là nói cõi Dục có đủ sáu loại, cõi sắc-vô sắc chỉ có hai loại, nghĩa là an trú pháp và bất động pháp. Nói như vậy thì A-la-hán lui sụt pháp không nhất định phải lui sụt, cho đến A-la-hán có thể thông đạt pháp không nhất định phải luyện căn đến pháp bất động.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao loại ấy gọi là lui sụt pháp, cho đến loại ấy gọi là có thể thông đạt pháp?

Đáp: Trong A-la-hán thì lui sụt pháp không nhất định phải lui sụt, nếu lui sụt thì bắt đầu từ chủng tánh này chứ không phải là chủng tánh nào khác, cho đến có thể thông đạt pháp thì không nhất định phải luyện căn đến pháp bất động; nếu có năng lực luyện căn đến bất động, thì quyết định bắt đầu từ chủng tánh này chứ không phải là chủng tánh nào khác. Nếu đưa ra cách nói này thì dựa vào sáu chủng tánh mà kiến lập tên gọi của sáu loại A-la-hán, đây là nói ba cõi đều có đủ sáu loại, bởi vì sáu loại chủng tánh bao gồm khắp ba cõi.

Hỏi: Vì sao kiến lập sáu loại A-la-hán như vậy?

Đáp: Dựa vào căn mà kiến lập.

Hỏi: Căn có chí phẩm, đó là Hạ Hạ Trung-hạ Thượng, Trung Hạ, trung Trung-trung Thượng, Thượng Hạ-Thượng Trung-Thượng Thượng, vì sao dựa vào căn mà kiến lập sáu loại chứ không kiến lập chín loại?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Trong sáu loại này thì lui sụt pháp thành tựu hai phẩm căn, đó là Hạ Hạ-hạ trung; tư duy pháp thành tựu một loại căn, đó là Hạ Thượng; bảo vệ pháp thành tựu một loại căn, đó là trung Hạ; an trú pháp thành tựu một loại căn, đó là Trung trung; có thể thông đạt pháp thành tựu một loại căn, đó là trung Thượng; bất động pháp thành tựu một loại căn, đó là Thượng Hạ; Độc giác thành tựu một loại căn, đó là Thượng trung; Phật thành tựu một loại căn, đó là Thượng thượng.

Lời bình: Người kia không nên đưa ra cách nói này, bởi vì không có một căn mà thành tựu hai phẩm, người căn tánh nhanh nhạy hãy còn không có đầy đủ hai phẩm căn, huống là người căn tánh chậm chạp mà

có đầy đủ hai phẩm căn hay sao? Nên đưa ra cách nói này: Trong A-la-hán thì lui sụt pháp thành tựu căn phẩm Hạ Hạ, tư duy pháp thành tựu căn phẩm Hạ trung, bảo vệ pháp thành tựu căn phẩm Hạ Thượng, an trú pháp thành tựu căn phẩm trung Hạ, có thể thông đạt pháp thành tựu căn phẩm Trung trung, từ Thời giải thoát luyện căn đến bất động pháp thành tựu củng tánh căn bản của phẩm trung Thượng, bất động pháp thành tựu căn phẩm Thượng Hạ, độc giác thành tựu căn phẩm Thượng Trung, Như Lai thành tựu căn phẩm Thượng thượng.

Có người nói: Trong sáu loại A-la-hán, lui sụt pháp làm một việc, đó là lui sụt; tư duy pháp làm hai việc, đó là lui sụt và tư duy; bảo vệ pháp làm ba việc, đó là lui sụt-tư duy và bảo vệ; an trú pháp làm bốn việc, đó là lui sụt-tư duy, bảo vệ và an trú; có thể thông đạt pháp làm năm việc, đó là lui sụt-tư duy-bảo vệ-an trú và luyện căn đến bất động.

Nói như vậy thì lui sụt pháp làm ba việc:

1. Lui sụt trú vào căn Học.
2. Luyện căn đến tư duy.
3. Lập tức trú vào Bát Niết-bàn kia.

Tư duy pháp làm bốn việc:

1. Lui sụt trú vào căn Học.
2. Lui sụt trú vào căn lui sụt pháp.
3. Luyện căn đến bảo vệ.
4. Lập tức trú vào Bát Niết-bàn kia.

Bảo vệ pháp làm năm việc:

1. Lui sụt trú vào căn học.
2. Lui sụt trú vào căn lui sụt pháp.
3. Lui sụt trú vào căn tư duy pháp.
4. Luyện căn đến an trú.
5. Lập tức trú vào bát Niết Bàn kia.

An trú pháp làm sáu việc:

1. Lui sụt trú vào căn Học.
2. Lui sụt trú vào căn lui sụt pháp.
3. Lui sụt trú vào căn tư duy pháp.
4. Lui sụt trú vào căn bảo vệ.
5. Luyện căn đến có thể thông đạt.
6. Lập tức trú vào bát Niết-bàn kia.

Có thể thông đạt pháp làm bảy việc:

1. Lui sụt trú vào căn Học.

2. Lui sụt trú vào căn lui sụt pháp.
3. Lui sụt trú vào căn tư duy pháp.
4. Lui sụt trú vào căn bảo vệ pháp.
5. Lui sụt trú vào căn an trú pháp.
6. Luyện căn đến bất động pháp.
7. Lập tức trú vào bát Niết Bàn kia.

Hỏi: Lúc A-la-hán tư duy pháp lui sụt trú vào căn Học thì đạt được căn Học nào, là đạt được căn Học của chủng tánh lui sụt pháp, hay là đạt được căn Học của chủng tánh tư duy pháp?

Đáp: Lúc ấy đạt được căn Học của chủng tánh lui sụt pháp, chứ không phải là căn Học của chủng tánh tư duy pháp. Nguyên cố thế nào? Bởi vì họ trước kia ở phần vị Học chưa đạt được căn Học của tư duy pháp, nay nếu lui sụt đạt được căn Học của tư duy pháp, là tiến lên chứ không phải là lui sụt, thì không thích hợp với chánh lý. Trong kinh nói: “Có A-la-hán tên gọi Kiều-đề-ca, lúc ấy tâm yêu quý giải thoát nhưng vị ấy sáu lần lui sụt mất đi quả A-la-hán rồi, lần thứ bảy vào lúc trở lại đạt được quả A-la-hán, sợ rằng lại lui sụt mất đi cho nên dùng dao tự làm hại mình”.

Hỏi: Vị ấy là vì lui sụt pháp hay là vì tư duy pháp? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu là lui sụt pháp thì vì sao tự làm hại mình? Nếu là tư duy pháp thì tại sao lui sụt?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Đó là lui sụt pháp.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao dùng dao tự làm hại mình?

Đáp: Bởi vì họ chán ngán lui sụt cho nên dùng dao tự làm hại mình, nếu trước đó không lui sụt mà tự làm hại mình thì chính là tư duy pháp. Có người đưa ra cách nói này. Họ từ lui sụt pháp luyện căn đến tư duy, vẫn sợ rằng lui sụt mà dùng dao tự làm hại mình, cho nên không trái với lý. Nếu tánh vốn có tư duy đến phần vị Vô học thì quyết định không có nghĩa lui sụt trú vào học.

Hỏi: Những người dùng đao này đoạn kiết của cõi dục, lúc lui sụt đao này cũng có kiết ấy ràng buộc hay không?

Đáp: Cũng có kiết ấy ràng buộc.

Hỏi: Những người dùng đao này đoạn kiết của cõi sắc-Vô sắc, lúc lui sụt đao này cũng có kiết ấy ràng buộc hay không?

Đáp: Cũng có kiết ấy ràng buộc.

Trong này có người nói: Dùng kiết gọi là ràng buộc, nghĩa là lúc trước lia nhiễm đoạn trừ tác dụng ràng buộc của các kiết, lúc lui sụt

cũng có tác dụng ràng buộc của kiết ấy. Có người đưa ra cách nói này: Có kiết gọi là ràng buộc, nghĩa là lúc lia nhiệm đoạn trừ được các kiết, lúc này lui sụt đạo cũng có kiết đạt được. Dùng kiết và có kiết giúp đỡ lẫn nhau, chỉ có trong chốc lát, nhưng nhất định phải có loại thứ hai, vì ràng buộc không rời cho nên gọi là dùng kiết chứ không cần phải là hiện đại, có được kiết phụ thuộc rồi thì kiết có được tác dụng. Đây là chỉ có hiện tại bởi vì quá khứ-vị lai không có được tác dụng.

Hỏi: Nếu đạo có thể đoạn trừ kiết thì trú trong đạo này mà không lui sụt, nếu trú trong đạo này mà lui sụt đạo này thì không đoạn trừ kiết, nghĩa là đạo vô gián có thể đoạn trừ các kiết, không có ai trú trong đạo này mà có lui sụt, trú trong đạo giải thoát có lẽ có người lui sụt, không có nghĩa dùng đạo này đoạn trừ các kiết; nay tại sao nói là những người dùng đạo này đoạn trừ các kiết của ba cõi, lúc lui sụt đạo này cũng có kiết ấy ràng buộc?

Đáp: Điều này không trái với lý. Nguyên cố thế nào? Bởi vì đạo vô gián là nhân của đạo giải thoát, đạo giải thoát là quả của đạo vô gián, lúc lui sụt quả này thì cũng nói là lui sụt nhân. Lại nữa, các đạo vô gián là đối trị với phiền não, lúc lui sụt mà dấy khởi phiền não thì cũng nói là lui sụt đạo ấy. Lại nữa, bởi vì đoạn trừ phiền não cho nên thiết lập đạo vô gián, lúc lui sụt mà dấy khởi phiền não thì cũng nói là lui sụt đạo ấy. Lại nữa, tên gọi của đoạn có hai loại:

1. Chung.
2. Riêng.

Riêng thì chỉ có đạo vô gián, chung thì gồm chung đạo giải thoát. Nay dựa vào nghĩa chung cho nên không trái nhau.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Trú trong đạo vô gián và đạo giải thoát đều có nghĩa lui sụt. Nhưng người Dự lưu đã đoạn phiền não thuộc năm phẩm trước mà dấy khởi Triền thuộc phẩm Thượng Thượng, lúc lui sụt thì gọi là lui sụt đạo vô gián-giải thoát của năm phẩm trước”.

Lời bình: Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cố thế nào? bởi vì chắc chắn không có lý trú trong đạo vô gián mà lui sụt, cũng không có lý lui sụt rồi trú trong đạo giải thoát. Vì vậy, cách nói trước đối với lý là thích hợp, nghĩa là lúc lui sụt quả thì gọi là lui sụt nhân...

Có chín Biến tri, đó là kiết của cõi Dục do kiến Khổ-Tập mà đoạn không còn, là Biến tri thứ nhất; kiết của cõi Sắc-Vô sắc do kiến Khổ-tập mà đoạn không còn, là Biến tri thứ hai; kiết của cõi Dục do kiến Diệt mà đoạn không còn, là Biến tri thứ ba; kiết của cõi Sắc-vô sắc do

kiến Diệt mà đoạn không còn, là Biến tri thứ tư; kiết của cõi Dục do kiến đạo mà đoạn không còn, là Biến tri thứ năm; kiết của cõi Sắc-Vô sắc do kiến Đạo mà đoạn không còn là Biến tri thứ sáu; năm kiết thuận phần dưới không còn, là Biến tri thứ bảy; kiết ái cõi Sắc không còn, là Biến tri thứ tám; tất cả các kiết không còn, là Biến tri thứ chín.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Không có đoạn Biến tri, bởi vì các pháp vô vi không có tự tánh. Vì ngăn chặn tông chỉ ấy để hiển bày pháp vô vi thật có tự tánh, đoạn Biến tri quyết định là thật có. Hoặc lại có người nói: Đoạn Biến tri này không phải là chỉ có chín loại, bởi vì tất cả Trạch diệt đều có thể gọi là đoạn Biến tri. Vì ngăn chặn cách nói ấy để hiển bày đoạn Biến tri chỉ có chín loại, sau sẽ nói rõ ràng về nhân duyên thiết lập chín loại. Có người nói: Đoạn Biến tri chỉ có một loại, bởi vì Thể của tất cả trạch diệt chỉ là một. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày Thể của Đoạn Biến tri không phải là chỉ có một, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Đoạn là vô vi không thể nào duyên vào suy nghĩ (duyên lự), không có tác dụng quyết định rõ ràng, sao gọi là Biến tri?

Đáp: Đoạn này tuy không thể nào duyên vào suy nghĩ quyết định rõ ràng, mà là quả của trí cho nên gọi là Biến tri; như A-la-hán là quả của hiểu biết (giải) cho nên cũng gọi là hiểu biết, như sáu xúc xứ là quả của nghiệp cho nên cũng gọi là nghiệp đã từng có, như Thiên nhân-nhĩ là quả của Thông cho nên cũng gọi là Thông; Đoạn này cũng như vậy, là quả của trí cho nên cũng gọi là Biến tri.

Hỏi: Do tu mà đoạn thì đoạn là quả của trí cho nên có thể gọi là Biến tri, do kiến mà đoạn thì Đoạn chính là quả của Nhân sao gọi là biến tri?

Đáp: Đoạn ấy cũng là quả của Thế tục trí, nghĩa là đạo thế tục lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Vô sở hữu xứ, Đoạn do kiến mà đoạn trong tám địa ấy là quả của Thế tục trí, cho nên cũng gọi là Biến tri.

Hỏi: Nếu đạo thế tục có nơi tác dụng, thì Đoạn do kiến mà đoạn là quả của trí cho nên có thể gọi là Biến tri, ở đây đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có tác dụng của Đoạn, thì Đoạn ấy do kiến mà đoạn tại sao gọi là Biến tri?

Đáp: Tôn giả tăng già-phiệt-tô nói rằng: “Đoạn ấy là quả của tuệ cho nên gọi là Biến tri. Đoạn có hai loại:

1. Là quả của trí.
2. Là quả của tuệ.

Trong này nói về quả của tuệ gọi là Biến tri.

Lời bình: Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cố thế nào? Bởi vì trong kinh chỉ nói có hai Biến tri:

1. Trí Biến tri.

2. Đoạn biến tri. Đức Phật không hề nói có Tuệ Biến tri. Vả lại, tuệ không phải là trí thì phải gọi là Biến tuệ, chứ sao gọi là Biến tri, bởi vì trí là trí. Nên đưa ra cách nói này: Do Nhẫn mà đạt được Đoạn lúc định Kim cang dụ hiện ở trước mắt, lại có thể chứng được cho nên cũng gọi là quả của trí. Nghĩa là định kim cang dụ là thắng nghĩa, Sa-môn kia đã chứng được Diệt gọi là quả Sa-môn, lúc nhờ vào định này chứng được quả A-la-hán, cuối cùng chứng được Đoạn do kiến-tu mà đoạn của ba cõi, vì vậy Đoạn này cũng gọi là Biến tri.

Lại nữa, Nhẫn là quyến thuộc của trí cho nên cũng gọi là trí, do Nhẫn này mà đạt được Diệt cũng gọi là Biến tri. Lại nữa, đoạn này đã đạt được do chủng loại của trí cho nên gọi là Biến tri, như nhờ vào chủng tộc Cù-Đáp-na mà có tên gọi Kiêu-Đáp-ma. Lại nữa, Đoạn này đã có tướng Biến tri cho nên cũng gọi là Biến tri, bởi vì Đoạn này cũng là do trí mà chứng, như mắt quá khứ-vị lai tuy không trông thấy sắc mà không rời bỏ tướng của mắt, cho nên cũng gọi là mắt.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Đoạn này nên thiết lập tên gọi Lý biến tri, nghĩa là biết rõ ràng tất cả thắng nghĩa đế lý-cửu cánh đế lý mà chứng được”. Hiếp Tôn giả nói: “Đoạn này nên thiết lập tên gọi Xả biến tri, nghĩa là biết rõ ràng tất cả lỗi lầm của sinh tử, vĩnh viễn rời bỏ sinh tử mà chứng được”.

Hai cách nói như vậy tuy không trái với lý mà trong kinh chỉ nói tên gọi Đoạn Biến tri, cho nên trong ba cách nói thì cách nói đầu là thích hợp.

Nhưng tự tánh của Đoạn cũng gọi là Đoạn, cũng gọi là Ly, cũng gọi là Diệt, cũng gọi là Đế, cũng gọi là Biến tri, cũng gọi là quả Sa-môn, cũng gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, cũng gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Tám loại như vậy, ở trong các phần vị có đầy đủ và không đầy đủ. Nghĩa là lúc khổ pháp trí nhẫn diệt-Khổ pháp tí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chứ chưa gọi là Biến tri, chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc khổ loại trí nhẫn diệt-khổ loại trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là

Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chứ chưa gọi là Biến tri, chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc tập pháp trí nhãn diệt-tập pháp trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả (biến tri) kiết của cõi Dục do kiến khổ-tập mà đoạn không còn; chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc Tập loại trí nhãn diệt-tập loại trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả kiết của cõi Sắc-Vô sắc do kiến Khổ-tập mà đoạn không còn; chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc diệt pháp trí nhãn diệt-Diệt pháp trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả Kiết của cõi Dục do Kiến Diệt mà đoạn không còn; chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc Diệt loại trí nhãn diệt-Diệt loại trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả kiết của cõi Sắc-vô sắc do kiến Diệt mà đoạn không còn; chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới vô dư y Niết Bàn. Lúc Đạo pháp trí nhãn diệt-Đạo pháp trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả kiết của cõi Dục do kiến Đạo mà đoạn không còn; chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc Đạo loại trí nhãn diệt-Đạo loại trí sinh, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả kiết của cõi Sắc-Vô sắc do kiến Đạo mà đoạn không còn; gọi là quả Sa-môn, nghĩa là quả Dự lưu; chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc bấy giờ Đoạn này và Đoạn kiết của ba cõi do kiến khổ-tập-Diệt mà đoạn, cùng với Đoạn kiết của cõi Dục do kiến Đạo mà đoạn, cuối cùng chứng được cùng một vị Ly hệ. Đoạn ấy lúc bấy giờ gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, ngay trước đây đã đạt được gọi là quả Sa-môn, đó là quả Dự lưu; chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn.

Dự lưu cầu chứng quả Nhất lai, lúc đoạn một phẩm kiết cho đến năm phẩm kiết của cõi Dục, thì Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-

gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chưa gọi là Biến tri, chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc đoạn kết phẩm thứ sáu thì đạo vô gián diệt-đạo giải thoát sinh, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chưa gọi là Biến tri; gọi là quả Sa-môn, đó là quả Nhất lai; chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc bấy giờ Đoạn này và Đoạn kết của ba cõi do kiến mà đoạn, cùng với Đoạn kết thuộc năm phẩm trước của cõi Dục do tu mà đoạn, cuối cùng chứng được cùng một vị Ly hệ. Đoạn ấy lúc bấy giờ gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chưa gọi là Biến tri; ngay trước đây đã đạt được gọi là quả Sa-môn, đó là quả Nhất lai; chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn.

Nhất lai cầu chứng quả Bất hoàn, lúc đoạn kết phẩm thứ bảy-thứ tám, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chưa gọi là Biến tri, chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc đoạn kết phẩm thứ chín thì đạo vô gián giết-đạo giải thoát sinh, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả năm kiết thuận phần dưới không còn; gọi là quả Sa-môn, đó là quả Bất hoàn; chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc bấy giờ Đoạn này và Đoạn kết của ba cõi do kiến mà đoạn, cùng với Đoạn kết thuộc tám phẩm trước của cõi Dục do tu mà đoạn, cuối cùng chứng được cùng một vị Ly hệ. Đoạn ấy lúc bấy giờ gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả năm kiết thuận phần dưới không còn; gọi là quả Sa-môn, đó là quả Bất hoàn; chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn.

Lúc lìa Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ ba đều có chín phẩm kiết, và lìa kiết thuộc tám phẩm trước của Tĩnh lự thứ tư, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chưa gọi là Biến tri, chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn. Lúc lìa kiết phẩm thứ chín của Tĩnh lự thứ tư thì đạo vô gián diệt-đạo giải thoát sinh, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả ái cõi sắc không còn; chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô dư y Niết Bàn.

Hỏi: Biết tất cả ái cõi sắc này không còn, kiến lập như thế nào?

vì tất cả kiết do tu mà đoạn của cõi Sắc không còn, vì tất cả kiết do tu mà đoạn của Tịnh lự thứ tư không còn, hay vì kiết phẩm Hạ hạ do tu mà đoạn của Tịnh lự thứ tư không còn?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ riêng kiết phẩm Hạ hạ do tu mà đoạn của Tịnh lự thứ tư không còn. Có Sư khác nói: Chỉ riêng tất cả kiết do tu mà đoạn của Tịnh lự thứ tư không còn.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: tất cả kiết do tu mà đoạn của cõi Sắc không còn, đều là biết tất cả ái cõi Sắc không còn.

Nhưng lúc đoạn kiết phẩm Hạ Hạ đạt được tên gọi Biến tri, là không vô biên xứ cho đến Vô sở hữu xứ đều có chín phẩm kiết, và lúc là kiết thuộc tám phẩm trước của Phi tướng phi phi tướng xứ, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế, chưa gọi là Biến tri, chưa gọi là quả Sa-môn, chưa gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết Bàn, chưa gọi là cảnh giới Vô vi. Lúc là kiết phẩm thứ chín của Phi tướng phi phi tướng xứ, định Kim cang dụ diệt-tận trí bắt đầu sinh, Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả các kiết không còn; gọi là quả Sa-môn, đó là quả A-la-hán; gọi là cảnh giới Hữu vi, chưa gọi là cảnh giới Vô vi. lúc bấy giờ Đoạn này và Đoạn kiết của ba cõi do kiến mà đoạn, và Đoạn kiết do tu mà đoạn của tám địa dưới, cùng với Đoạn kiết do tu mà đoạn tám phẩm trước của Phi tướng phi phi tướng xứ, cuối cùng chứng được cùng một vị Ly hệ. Đoạn ấy lúc ấy giờ gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, nghĩa là biết tất cả các kiết không còn; gọi là quả Sa-môn, đó là quả A-la-hán; gọi là cảnh giới Hữu vi, chưa gọi là cảnh giới Vô vi. Nếu Uẩn-giới-xứ của A-la-hán diệt đi, về sau không nối tiếp nữa, tiến vào cảnh giới Vô vi rồi, lúc bấy giờ Đoạn ấy gọi là Đoạn-gọi là Ly-gọi là Diệt-gọi là Đế-gọi là Biến tri, ngay trước đây đã đạt được gọi là quả Sa-môn, đó là quả A-la-hán; không gọi là cảnh giới Hữu vi, mà gọi là cảnh giới Vô vi.

Hỏi: Tất cả trạch diệt đều gọi là Đoạn, Đoạn là quả của trí cho nên đều thuận theo gọi là Biến tri, vì sao tên gọi này chỉ có ở chín phần vị, những phần vị khác không có được tên gọi Biến tri?

Đáp: Chỉ trong chín phần vị, hoặc có đủ bốn duyên-hoặc có đủ năm duyên thì có được tên gọi Biến tri, những phần vị khác thì không như vậy, cho nên chỉ thiết lập chín phần vị. Nghĩa là sáu phần vị trước chỉ là quả của kiến đạo, vì có đủ bốn duyên cho nên có được tên gọi Biến tri:

1. Diệt hai nhân.

2. Lìa cả hai ràng buộc.
3. Đạt được ly hệ đắc vô lậu.
4. Thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh.

Ba phần vị sau là quả của Tu đạo, vì có đủ năm duyên cho nên có được tên gọi Biến tri, tức là bốn duyên trước và vĩnh viễn vượt qua cõi.

Nghĩa là lúc khổ pháp trí nhẫn diệt-khổ pháp trí sinh, chưa diệt hai nhân, bởi vì tuy diệt nhân do kiến khổ mà đoạn, nhưng chưa diệt nhân do kiến tập mà đoạn; chưa lìa cả hai ràng buộc, bởi vì tuy lìa ràng buộc do kiến khổ mà đoạn, nhưng chưa lìa ràng buộc do kiến tập mà đoạn; chỉ đạt được ly hệ đắc vô lậu, nhưng không thiếu các Biến hành của Hữu đảnh; tuy có một duyên nhưng thiếu mất ba duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc khổ loại trí nhẫn diệt-Khổ loại trí sinh, chưa diệt hai nhân, bởi vì tuy diệt nhân do kiến khổ mà đoạn, nhưng chưa diệt nhân do kiến tập mà đoạn; chưa lìa cả hai ràng buộc, bởi vì tuy lìa ràng buộc do kiến khổ mà đoạn, nhưng chưa lìa ràng buộc do Kiến tập mà đoạn; nhưng mà đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh; tuy có hai duyên mà thiếu mất hai duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc tập pháp trí nhẫn diệt-tập pháp trí sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân do kiến khổ mà đoạn, nay diệt nhân do kiến Tập mà đoạn; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc do kiến khổ mà đoạn, nay lìa ràng buộc do kiến Tập mà đoạn; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh; bởi vì có đủ bốn duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy và Đoạn trước kia gọi là Biến tri thứ nhất. Lúc Tập loại trí nhẫn diệt-tập loại trí sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân do kiến Khổ mà đoạn, nay diệt nhân do kiến Tập mà đoạn; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc do kiến khổ mà đoạn, nay lìa ràng buộc do kiến Tập mà đoạn; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của hữu Đảnh; bởi vì có đủ bốn duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy và Đoạn trước kia gọi là Biến tri thứ hai. Lúc Diệt pháp trí nhẫn diệt-Diệt pháp trí sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân do kiến khổ-tập mà đoạn, nay diệt nhân do kiến Diệt mà đoạn; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc do kiến khổ-tập mà đoạn, nay lìa ràng buộc do kiến Diệt mà đoạn; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh; bởi vì có đủ bốn duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Biến tri thứ ba. Lúc Diệt loại trí nhẫn diệt-Diệt loại trí sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân

do kiến khổ-tập mà đoạn, nay diệt nhân do kiến Diệt mà đoạn; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc do kiến Khổ-tập mà đoạn, nay lìa ràng buộc do kiến Diệt mà đoạn; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh; bởi vì có đủ bốn duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Biến tri thứ tư. Lúc Đạo pháp trí nhãn diệt-Đạo pháp trí sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân do kiến khổ-tập mà đoạn, nay diệt nhân do kiến Đạo mà đoạn; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc do kiến khổ-tập mà đoạn, nay lìa ràng buộc do kiến Đạo mà đoạn; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh; bởi vì có đủ bốn duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Biến tri thứ năm. Lúc Đạo loại trí nhãn diệt-Đạo loại trí sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân do kiến khổ-tập mà đoạn, nay diệt nhân do kiến Đạo mà đoạn; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc do kiến khổ-tập mà đoạn, nay lìa ràng buộc do kiến Đạo mà đoạn; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu, và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh; bởi vì có đủ bốn duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy gọi là Biến tri thứ sáu.

Như vậy, sáu loại này chỉ là quả của Kiến đạo, thiết lập có đủ bốn duyên.

Lúc lìa nhiễm của cõi dục do tu mà đoạn từ một phẩm cho đến tám phẩm, chưa diệt hai nhân, bởi vì tuy diệt nhân của một phẩm cho đến tám phẩm, nhưng chưa nhân của tám phẩm cho đến một phẩm; cũng chưa lìa cả hai ràng buộc, bởi vì tuy lìa ràng buộc của một phẩm cho đến tám phẩm, nhưng chưa lìa ràng buộc của tám phẩm cho đến một phẩm; tuy đạt được ly hệ đắc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, mà chưa vĩnh viễn vượt qua cõi: tuy có hai duyên nhưng thiếu mất ba duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc lìa nhiễm phẩm thứ chín của cõi Dục thì đạo vô gián diệt-đạo giải thoát sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân của tám phẩm, nay diệt nhân của phẩm thứ chín; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc của tám phẩm, nay lìa ràng buộc của phẩm thứ chín; đã đạt được ly hệ đắc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, cùng với vĩnh viễn vượt qua cõi Dục; bởi vì có đủ năm duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy và Đoạn trước kia gọi là Biến tri thứ bảy, nghĩa là biết tất cả năm kiết thuận phần dưới không còn. Lúc lìa nhiễm của bốn Tĩnh lự do tu mà đoạn đều có một phẩm cho đến tám phẩm, chưa diệt hai nhân, bởi vì tuy diệt nhân của một phẩm cho đến tám phẩm, nhưng chưa diệt nhân của tám phẩm cho đến một phẩm; chưa lìa cả hai ràng buộc, bởi vì

tuy lìa ràng buộc của một phẩm cho đến tám phẩm, nhưng chưa lìa ràng buộc của tám phẩm cho đến một phẩm; tuy đạt được ly hệ đặc vô lậu mà thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, mà chưa vĩnh viễn vượt qua cõi; tuy có hai duyên nhưng thiếu mất ba duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc lìa nhiễm của ba Tịch lự trước do tu mà đoạn đều ở phẩm thứ chín, đạo vô gián diệt-đạo giải thoát sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân của tám phẩm, nay diệt nhân của phẩm thứ chín; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc của tám phẩm, nay lìa ràng buộc của phẩm thứ chín; tuy đạt được ly hệ đặc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, mà chưa vĩnh viễn vượt qua cõi; tuy có bốn duyên nhưng thiếu mất một duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư do tu mà đoạn ở phẩm thứ chín, đạo vô gián diệt-đạo giải thoát sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân của tám phẩm, nay diệt nhân của phẩm thứ chín; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc của tám phẩm, nay lìa ràng buộc của phẩm thứ chín; đã đạt được ly hệ đặc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, cùng với vĩnh viễn vượt qua cõi Sắc; bởi vì có đủ năm duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy và Đoạn trước kia gọi là Biến tri thứ tám, nghĩa là biết tất cả ái cõi sắc không còn. Lúc lìa nhiễm của bốn vô sắc do tu mà đoạn đều có một phẩm cho đến tám phẩm, chưa diệt hai nhân, bởi vì tuy diệt nhân của một phẩm cho đến tám phẩm, nhưng chưa diệt nhân của tám phẩm cho đến một phẩm; cũng chưa lìa cả hai ràng buộc, bởi vì tuy lìa ràng buộc của một phẩm cho đến tám phẩm, nhưng chưa lìa ràng buộc của tám phẩm cho đến một phẩm; tuy đạt được ly hệ đặc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, mà chưa vĩnh viễn vượt qua cõi; tuy có hai duyên nhưng thiếu mất ba duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc lìa nhiễm của ba vô sắc trước do tu mà đoạn đều ở phẩm thứ chín, đạo vô gián diệt-đạo giải thoát sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân của tám phẩm, nay diệt nhân của phẩm thứ chín; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng buộc của tám phẩm, nay lìa ràng buộc của phẩm thứ chín; tuy đạt được ly hệ đặc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, mà chưa vĩnh viễn vượt qua cõi; tuy có bốn duyên nhưng thiếu mất một duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy chưa gọi là Biến tri. Lúc lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ do tu mà đoạn ở phẩm thứ chín, định Kim cang dụ diệt-tâm trí bất đầu sinh, gọi là diệt hai nhân, bởi vì trước diệt nhân của tám phẩm, nay diệt nhân của phẩm thứ chín; cũng lìa cả hai ràng buộc, bởi vì trước lìa ràng

buộc của tám phẩm, nay là ràng buộc của phẩm thứ chín; đã đạt được lý hệ đặc vô lậu và thiếu các Biến hành của Hữu Đảnh, cùng với vĩnh viễn vượt qua cõi Vô sắc; bởi vì có đủ năm duyên, cho nên Đoạn đã đạt được lúc ấy và Đoạn trước kia gọi là Biến tri thứ chín, nghĩa là biết tất cả các kiết không còn. Ba loại sau này là quả của Tu đạo, thiết lập có đủ năm duyên.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn là nơi dừng nghỉ (Tô tức), đối với các Đoạn đều chứng được một vị Lý hệ đặc, tại sao quả Bất hoàn và A-la-hán tập hợp toàn bộ các Đoạn thiết lập một Biến tri, quả Dự lưu và Nhất lai không nói tập hợp toàn bộ các Đoạn thiết lập một Biến tri?

Đáp: Tuy đạt được bốn quả vị đều tập hợp toàn bộ các Đoạn, mà hai quả sau thì có đủ hai nghĩa, cho nên tập hợp toàn bộ các Đoạn thiết lập một Biến tri. Hai nghĩa là thế nào? Đó là:

1. Đạt được quả.
2. Vượt qua cõi.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì tuy là đạt được quả mà không phải là vượt qua cõi; lúc là nhiệm phẩm thứ chín của Tĩnh lực thứ tư, tuy là vượt qua cõi mà không phải là đạt được quả. Lúc đạt được quả Bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu, một là đạt được quả đó là đạt được quả bất hoàn; hai là vượt qua cõi, đó là vượt qua cõi Dục. Lúc đạt được quả A-la-hán cũng có đủ hai nghĩa, một là đạt được quả, đó là đạt được quả A-la-hán ; hai là vượt qua cõi, đó là vượt qua cõi Vô sắc. Nói tập hợp toàn bộ, đó là nghĩa hợp lại làm một. Đối với cõi Vô sắc là nhiệm từng phần cho nên đạt được quả Dự lưu, là nhiệm toàn phần cho nên đạt được quả A-la-hán ; đối với cõi Dục là nhiệm từng phần cho nên đạt được quả Nhất lai, là nhiệm toàn phần cho nên đạt được quả Bất hoàn; đối với cõi Sắc không thiếu hai nghĩa, đó là lúc đạt được quả cũng tức là vượt qua cõi, cho nên quả A-la-hán và quả Bất hoàn tập hợp toàn bộ các Đoạn thiết lập một Biến tri.

Lại nữa, cần phải có đủ hai nghĩa-hai nơi mới tập hợp toàn bộ Biến tri:

1. Ở trong ba cõi thuận theo vượt qua một cõi.
2. Ở trong kiết thuận phần dưới-thuận phần trên thuận theo không còn một loại.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì hai nghĩa đều thiếu; lúc là nhiệm phẩm thứ chín của Tĩnh lực thứ tư, thì tuy vượt qua cõi Sắc mà thiếu mất một nghĩa. Lúc đạt được quả bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu:

1. Vượt qua cõi Dục.
 2. Kiết thuận phần dưới không còn.
- Lúc đạt được quả A-la-hán thì cũng có đủ hai nghĩa:

1. Vượt qua cõi Vô sắc.
 2. Kiết thuận phần trên không còn.
- Vì vậy, hai quả vị sau mới tập hợp toàn bộ Biến tri.

Lại nữa, cần phải có đủ hai nghĩa-hai xứ mới tập hợp toàn bộ Biến

tri:

1. Ở trong ba cõi thuận theo vượt qua một cõi.
2. Ở trong phiền não bất thiện-vô ký thuận theo không còn một

loại.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì hai nghĩa đều thiếu; lúc lia nhiễm phẩm thứ chín của Tĩnh lự thứ tư, thì tuy vượt qua cõi Sắc mà thiếu mất một nghĩa. Lúc đạt được quả Bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu:

1. Vượt qua cõi Dục.
 2. Phiền não bất thiện không còn.
- Lúc đạt được quả A-la-hán thì cũng có đủ hai nghĩa:

1. Vượt qua cõi Vô sắc.
 2. Phiền não vô ký không còn.
- Vì vậy, hai quả vị sau mới tập hợp toàn bộ Biến tri.

Lại nữa, cần phải có đủ hai nghĩa-hai xứ mới tập hợp toàn bộ Biến

tri:

1. Ở trong ba cõi thuận theo vượt qua một cõi.
2. Ở trong phiền não có dị thức-không có dị thực thuận theo không

còn một loại.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì hai nghĩa đều thiếu; lúc lia nhiễm phẩm thứ chín của Tĩnh lự thứ tư, thì tuy vượt qua cõi Sắc mà thiếu mất một nghĩa. Lúc đạt được quả Bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu:

1. Vượt qua cõi Dục.
 2. Phiền não có dị thực không còn.
- Lúc đạt được quả A-la-hán thì cũng có đủ hai nghĩa:

1. Vượt qua cõi Vô sắc.
2. Phiền não không có dị thực không còn.

Vì vậy, hai quả vị sau mới tập hợp toàn bộ Biến tri.

Lại nữa, cần phải có đủ hai nghĩa-hai xứ mới tập hợp toàn bộ Biến

tri:

1. Ở trong ba cõi thuận theo vượt qua một cõi.

2. Ở trong phiền não cảm đến hai quả-một quả tùy theo không còn một loại.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì hai nghĩa đều thiếu; lúc lìa nhiễm phẩm thứ chín của Tĩnh lự thứ tư, thì tuy vượt qua cõi Sắc mà thiếu mất một nghĩa. Lúc đạt được quả Bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu:

1. Vượt qua cõi Dục.

2. Phiền não cảm đến hai quả Đẳng lưu và Dị thực không còn.

Lúc đạt được quả A-la-hán thì cũng có đủ hai nghĩa:

1. Vượt qua cõi Vô sắc.

2. Chỉ riêng phiền não cảm đến một quả Đẳng lưu không còn.

Vì vậy, hai quả vị sau mới tập hợp toàn bộ Biến tri.

Lại nữa, cần phải có đủ hai nghĩa-hai xứ mới tập hợp toàn bộ Biến

tri:

1. Ở trong ba cõi thuận theo vượt qua một cõi.

2. Ở trong phiền não tương ứng-bất tương ứng với vô tâm-vô quý tùy theo không còn một loại.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì hai nghĩa đều thiếu; lúc lìa nhiễm phẩm thứ chín của Tĩnh lự thứ tư, thì tuy vượt qua cõi Sắc mà thiếu mất một nghĩa. Lúc đạt được quả Bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu:

1. Vượt qua cõi Dục.

2. Phiền não tương ứng với vô tâm-vô quý không còn.

Lúc đạt được quả A-la-hán thì cũng có đủ hai nghĩa:

1. Vượt qua cõi Vô sắc.

2. Phiền não bất tương ứng với Vô tâm-vô quý không còn.

Vì vậy, hai quả vị sau mới tập hợp toàn bộ Biến tri.

Lại nữa, cần phải có đủ hai nghĩa-hai xứ mới tập hợp toàn bộ biến

tri:

1. Ở trong ba cõi thuận theo vượt qua một cõi.

2. Ở trong năm nẻo-bốn sinh tùy theo không còn một loại.

Lúc đạt được quả Dự lưu-quả Nhất lai thì hai nghĩa đều thiếu; lúc lìa nhiễm phẩm thứ chín của Tĩnh lự thứ tư, thì tuy vượt qua cõi Sắc mà thiếu mất một nghĩa. Lúc đạt được quả Bất hoàn thì hai nghĩa không thiếu:

1. Vượt qua cõi Dục.

2. Không còn nẻo người và thai sanh.

Lúc đạt được quả A-la-hán thì cũng có đủ hai nghĩa:

1. Vượt qua cõi Vô sắc.

2. Không còn nẻo trời và hóa sinh. Vì vậy, hai quả vị sau mới tập hợp toàn bộ
Biến tri.

